

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/DS-ST

Ngày: 31/3/2026.

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thanh.

Ông Đinh Văn Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2026/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đại H – Chủ ông Hiệp Tân Quang M.

Địa chỉ: Ở đường D, Khu đô thị E, phường P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Thanh T, sinh năm 2001 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, khóm T, phường K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ Bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1974 (có mặt).

2/ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3/ Bà Lâm Thị C, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2025, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Thanh T trình bày: Từ ngày 26/02/2019 ông

Trần Đại H mua bán thức ăn thủy sản thương hiệu Việt Hoa và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm với bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C. Theo thỏa thuận, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở đến nhà bà L, ông Đ và bà C hoặc nhờ người nhà đến lấy hàng, khi nhận hàng bà L, ông Đ và bà C hoặc người nhà các ông, bà ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Sau mỗi vụ thu hoạch tôm thì gia đình bà L, ông Đ và bà C phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp nuôi tôm thua lỗ vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Hai bên giao dịch từ 26/02/2019 đến 26/12/2023. Trong quá trình mua bán thức ăn cho tôm và các loại thuốc thủy sản, Ông H1 đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của gia đình bà L, ông Đ và bà C. Sau khi nhận hàng, bà L, ông Đ và bà C đều ký nhận vào sổ theo dõi hàng hóa và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa ông H1 đã giao. Tuy nhiên, sau mỗi vụ thu hoạch tôm và khi đến hạn thanh toán bà L, ông Đ và bà C đã không thanh toán tiền hàng cho ông H1 theo đúng thỏa thuận. Ngày 26/12/2023 hai bên tiến hành xác nhận công nợ, bà L và ông Đ ký nhận còn nợ tổng số tiền mua hàng hóa là 303.473.000 đồng.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C liên đới trả ông H số tiền nợ mua hàng hóa là 303.473.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 03/02/2026 và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị Bích L trình bày ý kiến:* Bà Đỗ Thị Bích L cùng ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C có mua của ông Trần Đại H thức ăn thủy sản thương hiệu V và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm. Mua nhiều lần từ ngày 26/02/2019 đến ngày 26/12/2023 thì đối chiếu sổ sách công nợ, bà Đỗ Thị Bích L và ông Trần Văn Đ có ký nhận nợ tổng số tiền là 303.473.000 đồng. Trong quá trình mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản nêu trên của ông H thì bà L, ông Đ và bà C cũng cố gắng thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận. Nhưng thời gian sau này do nuôi tôm bị thất, thua lỗ nên bà L, ông Đ và bà C không còn khả năng thanh toán.

Nay bà Đỗ Thị Bích L đồng ý cùng ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C thanh toán tổng số nợ 303.473.000 đồng cho ông Trần Đại H, yêu cầu ông H không tính lãi và tạo điều kiện cho bà L, ông Đ và bà C trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 303.473.000 đồng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 03/02/2026, bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày:* Vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Lâm Thị C có cùng với bà Đỗ Thị Bích L mua của ông Trần Đại H thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản để nuôi tôm trong gia đình. Bắt đầu mua từ ngày 26/02/2019 cho đến ngày 26/12/2023 thì tổng số tiền còn nợ là 303.473.000 đồng, bà Đỗ Thị Bích L và ông Trần Văn Đ có ký nhận nợ. Trong suốt thời gian mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản nêu trên thì ông Đ, bà C và bà L cũng cố gắng thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn như đã thỏa thuận. Nhưng do sau này nuôi tôm bị thất, thua lỗ nên ông Đ, bà C và bà L, không còn khả năng thanh toán theo thỏa thuận.

Nay ông Trần Văn Đ đồng ý cùng với bà Lâm Thị C và bà Đỗ Thị Bích L thanh toán tổng số tiền 303.473.000 đồng cho ông Trần Đại H, yêu cầu ông H không tính lãi và tạo điều kiện cho ông Đ, bà C và bà L trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 303.473.000 đồng.

- *Đối với bị đơn bà Lâm Thị C:* Quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà C không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Đ và bà C vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C nêu trên.

[2] Nguyên đơn ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C liên đới thanh toán số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông H là 303.473.000 đồng. Nguyên đơn ông Trần Đại H cung cấp chứng cứ gồm sổ theo dõi mua bán hàng hóa, đối chiếu xác nhận công nợ ngày 26/12/2023 do bà L, ông Đ ký xác nhận tổng tiền nợ là 303.473.000 đồng và trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà L và ông Đ đều thừa nhận còn nợ của ông H 303.473.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trần Đại H đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi thủy sản cho bên mua là bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C. Bà L, ông Đ và bà C đã nhận đủ thức ăn chăn nuôi thủy sản do ông H chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng bà L, ông Đ và bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông H theo thỏa thuận. Kể từ ngày ký xác nhận tổng công nợ vào ngày 26/12/2023 đến nay, bà L, ông Đ và bà C còn nợ của ông H tổng số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 303.473.000 đồng chưa thanh toán. Do bà L, ông Đ và bà C không thanh toán nợ đúng hạn theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trần Đại H yêu cầu Tòa

án giải quyết buộc các bị đơn bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C liên đới trả số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông H 303.473.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị Bích L yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 303.473.000 đồng. Nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Trần Đại H không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H về việc yêu cầu các bị đơn bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 303.473.000 đồng.

[2] Buộc bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đại H số tiền 303.473.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C chậm trả số tiền nêu trên cho ông Trần Đại H, thì bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trần Đại H, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Đỗ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.173.650 đồng. Nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

- Ông Trần Đại H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.783.000 đồng theo biên lai thu số 0010811 ngày 26/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND. TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng T.H.A khu vực 8 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ